

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 48/2018/DS-ST

Ngày: 29-8-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Đào Khel.

2/. Ông Huỳnh Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2018/TLST-DS ngày 24/5/2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2018/QĐXXST-DS ngày 17/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, địa chỉ: MBK PDL, phường B, quận PN, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Phan Như T, địa chỉ: Số HNB đường QL1, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản uỷ quyền ngày 16/7/2018 - vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai N, địa chỉ: Số MKSC đường DKH, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2018 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (sau đây viết là Ngân hàng) và lời trình bày của bà Phan Như T tại biên bản ngày 16/7/2018 thì:

Ngày 05/8/2014, bà Nguyễn Thị Mai N có vay tín chấp 35.000.000 đồng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Sóc Trăng theo hợp đồng tín dụng số 0011783701T14006 để tiêu dùng trong thời hạn 36 tháng, lãi suất trong hạn 9,6%/năm, lãi suất quá hạn 14,4%/năm, hình thức vay góp, lãi tính theo dư

nợ ban đầu. Sau khi nhận tiền vay, tính đến ngày 09/4/2018 bà N chỉ trả được số tiền 16.289.000 đồng, gồm 10.386.297 đồng gốc, 5.902.703 đồng lãi trong hạn.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Mai N trả số tiền còn nợ là 36.323.604 đồng, gồm 24.613.703 đồng gốc, 4.177.297 đồng lãi trong hạn, 7.532.604 đồng lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ.

Ngân hàng đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao có chứng thực Hợp đồng vay trả góp số 0011783701T14006 ngày 05/8/2014, Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm kế ước nhận nợ ngày 30/7/2014, Danh sách cho vay trả góp Phòng Văn hóa và Thông tin TPST lập ngày 05/8/2014; Bản chính Sao kê hoạt động của khách hàng vay lập ngày 07/4/2018 và 29/8/2018, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 28/8/2018 của bà Phan Như T, Bảng tính lãi của khách hàng Nguyễn Thị Mai N lập ngày 29/8/2018.

- Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự: Bà Nguyễn Thị Mai N không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu mà Ngân hàng đã trình bày và giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai N trả số tiền gốc, lãi còn nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 0011783701T14006 ngày 05/8/2014 và bà N cư trú tại địa chỉ số MKSC đường DKH, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2018, Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Mai N theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng số 0011783701T14006 ngày 05/8/2014 là số MKSC đường DKH, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bà N không còn cư trú tại địa chỉ này, nhưng bà N không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Do bà Nguyễn Thị Mai N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bà Phan Như T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà N, bà T.

[4] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do Ngân hàng cung cấp, căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định:

[4.1] Bà Nguyễn Thị Mai N có vay không có tài sản bảo đảm của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Sóc Trăng số tiền 35.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0011783701T14006 ngày 05/8/2014 để tiêu dùng trong thời hạn 36 tháng, lãi suất trong hạn 9,6%/năm, lãi suất quá hạn 14,4%/năm, hình thức vay góp, lãi tính theo dư nợ ban đầu.

[4.2] Bà N đã nhận đủ tiền vay vào ngày 05/8/2014 theo Danh sách cho vay trả góp Phòng Văn hóa và Thông tin TPST lập cùng ngày, nhưng tính đến ngày 09/4/2018 chỉ trả cho Ngân hàng được 16.289.000 đồng, gồm 10.386.297 đồng gốc, 5.902.703 đồng lãi trong hạn; Còn nợ Ngân hàng tổng cộng 36.323.604 đồng, gồm 24.613.703 đồng gốc, 4.177.297 đồng lãi trong hạn, 7.532.604 đồng lãi quá hạn.

[5] Do bà Nguyễn Thị Mai N vi phạm nghĩa vụ trả tiền góp theo định kỳ nên việc Ngân hàng yêu cầu trả số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về trả nợ gốc và lãi, chuyển nợ quá hạn, tính lãi tiền vay tại các Điều 3, 5, 8 và 9 của hợp đồng tín dụng số 0011783701T14006 ngày 05/8/2014 và quy định tại Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, Điều 11, điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (đã được sửa đổi, bổ sung).

[6] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu; bà Nguyễn Thị Mai N phải chịu là 1.816.180 đồng theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, điểm e khoản 1 Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà Nước (đã được sửa đổi, bổ sung); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ:

1/. Buộc bà Nguyễn Thị Mai N có trách nhiệm trả Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 36.323.604 đồng (gồm 24.613.703 đồng gốc, 4.177.297 đồng lãi trong hạn, 7.532.604 đồng lãi quá hạn) còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 0011783701T14006 ngày 05/8/2014

Kể từ ngày 30/8/2017, bà Nguyễn Thị Mai N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Mai N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mai N phải chịu là 1.816.180 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ không phải chịu, trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 848.400 đồng theo biên lai số 0001739 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3/. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- TAND T. Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vĩnh Khương